

Bản án số: 113/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Tuấn

2. Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Tấn Pháp, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Minh T – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch TP.

Địa chỉ: Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trình bày của ông Phạm Văn L:*

Hôn nhân: Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 1973 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không thể kéo dài nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà H.

Con chung: Ông L và bà H có 05 người con chung tên Phạm Văn P sinh năm 1973; Phạm Hồng T sinh năm 1974; Phạm Thị Đ sinh năm 1977; Phạm Thị Đ sinh năm 1979; Phạm Văn V sinh năm 1988, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Ông L và bà H tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Ông L và bà H có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN – Chi nhánh TP đối với 02 khoản vay:

Khoản vay ngày 18/02/2004, hạn trả nợ cuối cùng ngày 31/12/2006 với số tiền 10.000.000 đồng, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 509974, do Chủ tịch UBND huyện Thới Bình cấp ngày 10/12/1999, phần đất có diện tích 10.000 m², tọa lạc tại Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau do ông L trực tiếp đứng tên vay.

Khoản vay ngày 01/3/2004, hạn trả nợ cuối cùng ngày 31/12/2004, số tiền 10.000.000 đồng, tài sản thế chấp là giấy xác nhận tạm thời về quyền sở hữu nhà ở, có tổng diện tích 66 m², tọa lạc tại Ấp A, xã TP, huyện Thới bình, tỉnh Cà Mau, do bà H trực tiếp đứng tên vay.

Ông L đề xuất về việc thanh toán nợ với ngân hàng như sau: Đối với khoản vay của ông L sẽ do ông L trực tiếp thanh toán, khoản vay của bà H do bà H trực tiếp thanh toán cho ngân hàng theo số tiền nợ gốc và lãi mà ngân hàng thông báo.

** Trình bày của bà Trần Thị H:*

Bà H xác định ông L trình bày chính xác về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tại phiên tòa, bà H có ý kiến sau:

Hôn nhân: Bà Trần Thị H thống nhất ly hôn với ông Phạm Văn L.

Con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Tài sản chung: Bà H và ông L tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Bà H thừa nhận có các khoản vay như ông L nêu, bà H không thống nhất với đề xuất của ông L. Bà xác định ông L vay tiền để sử dụng chi tiêu cho bản

thân ông, bà vay tiền để chi tiêu, sử dụng trong gia đình. Do đó, yêu cầu ông L có nghĩa vụ thanh toán khoản vay của ông, đối với khoản vay của bà H chia đôi theo quy định pháp luật, bà và ông L mỗi người $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ thanh toán nợ.

** Trình bày của đại diện ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN tại đơn yêu cầu độc lập ngày 08/6/2022 và ngày 05/7/2022:*

Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN – Phòng giao dịch TP đối với 02 khoản vay, như sau:

Khoản vay ngày 18/02/2004, hạn trả nợ cuối cùng ngày 31/12/2006 với số tiền 10.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 21/7/2022 là 34.860.889 đồng, tổng vốn và lãi 44.860.889 đồng, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 509974, do Chủ tịch UBND huyện Thới Bình cấp ngày 10/12/1999, phần đất có diện tích 10.000 m², tọa lạc tại Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau do ông L trực tiếp đứng tên vay.

Khoản vay ngày 01/3/2004, hạn trả nợ cuối cùng ngày 31/12/2004, số tiền 10.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 21/7/2022 là 32.565.000 đồng, tổng vốn và lãi 42.565.000 đồng, tài sản thế chấp là giấy xác nhận tạm thời về quyền sở hữu nhà ở, có tổng diện tích 66 m², tọa lạc tại Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau do bà H trực tiếp đứng tên vay.

Các khoản nợ đã quá hạn thanh toán, ngân hàng yêu cầu ông L và bà H phải có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm các khoản nợ đã vay.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Ông Phạm Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà Trần Thị H. Xét thấy, ông L và bà H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1973, là hôn nhân thực tế nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên ông L yêu cầu ly hôn với bà H, con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, tài sản chung tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu xem xét, yêu cầu của ông L là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Đối với hai khoản nợ của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN do ông L và bà H lần lượt vay, xét thấy ông L và bà H vay nợ để chi tiêu, sử dụng chung trong gia đình và số tiền chênh lệch giữa hai khoản nợ không lớn, để thuận tiện

trong việc thanh toán nợ đề nghị ông L có nghĩa vụ thanh toán nợ do ông L trực tiếp vay, bà H có nghĩa vụ thanh toán nợ do bà H trực tiếp vay theo hợp đồng đã ký kết giữa ông bà với ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Phạm Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Trần Thị H. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Bà H có nơi cư trú tại Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng đại diện ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1973 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông L và bà H bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà H. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà H tuy không có đăng ký kết hôn nhưng ông bà đã chung sống với nhau từ năm 1973, là hôn nhân thực tế theo Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, ngày 06 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, ông L xác định vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa ông L và bà H không đạt được. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà ông L và bà H có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả, ông L cương quyết ly hôn, bà H chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của ông L. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông L và bà H được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông L và bà H có 05 con chung tên Phạm Văn P sinh năm 1973; Phạm Hồng T, sinh năm 1974; Phạm Thị Đ. sinh năm 1977; Phạm Thị Đ, sinh năm 1979; Phạm Văn V, sinh năm 1988, các con chung đã trưởng thành nên ông L, bà H không yêu cầu xem xét nên không xét.

[5] Tài sản chung: Ông L, bà H tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét nên không xét.

[6] Về nợ chung: Ông L và bà H có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN – Phòng giao dịch TP đối với 02 khoản vay:

Khoản vay ngày 18/02/2004, hạn trả nợ cuối cùng ngày 31/12/2006 với số tiền 10.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 21/7/2022 là 34.860.889 đồng, tổng vốn và lãi 44.860.889 đồng, tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 509974, do Chủ tịch UBND huyện Thới Bình cấp ngày 10/12/1999, phần đất có diện tích 10.000 m², tọa lạc tại Ấp A, xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau do ông L trực tiếp đứng tên vay.

Khoản vay ngày 01/3/2004, hạn trả nợ cuối cùng ngày 31/12/2004, số tiền 10.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 21/7/2022 là 32.565.000 đồng, tổng vốn và lãi 42.565.000 đồng, tài sản thế chấp là giấy xác nhận tạm thời về quyền sở hữu nhà ở, có tổng diện tích 66 m² do bà H trực tiếp đứng tên vay.

Tại phiên tòa, ông L đề xuất về việc thanh toán nợ với ngân hàng như sau: Đối với khoản vay của ông L sẽ do ông L trực tiếp thanh toán, khoản vay của bà H do bà H trực tiếp thanh toán cho ngân hàng theo số tiền nợ gốc và lãi mà ngân hàng thông báo. Bà H thừa nhận có các khoản vay như ông L nêu, bà không thống nhất với đề xuất của ông L. Bà xác định ông L vay tiền để sử dụng chi tiêu cho bản thân ông, bà vay tiền để chi tiêu, sử dụng trong gia đình. Do đó, yêu cầu ông L có nghĩa vụ thanh toán khoản vay của ông, đối với khoản vay của bà H chia đôi theo quy định pháp luật, bà và ông L mỗi người $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ thanh toán nợ. Xét thấy, đây là nợ chung, ông L và bà H cùng vay trong thời kì hôn nhân, phục vụ cho mục đích chung của gia đình, bà H cho rằng ông L sử dụng số tiền vay vào mục đích cá nhân ông nhưng bà không chứng minh được. Do số tiền chênh lệch giữa hai khoản nợ không lớn, để thuận tiện trong việc thanh toán nợ nên cần chấp nhận yêu cầu độc lập của ngân hàng, buộc ông L, bà H có nghĩa vụ thanh toán nợ, xử tài sản thế chấp theo hợp đồng ông bà đã trực tiếp ký kết với ngân hàng.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do ông L, bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn

nhân và Gia đình; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, ngày 06 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L đối với bà Trần Thị H về việc ly hôn.

2.1. Về hôn nhân: Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H được ly hôn.

2.2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

2.3. Tài sản chung: Ông L và bà H tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Buộc ông Phạm Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN số tiền vốn 10.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 21/7/2022 là 34.860.889 đồng, tổng vốn và lãi 44.860.889 đồng (*bốn mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn tám trăm tám mươi chín đồng*). Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền vốn 10.000.000, lãi tính đến ngày 21/7/2022 là 32.565.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 42.565.000 đồng (*bốn mươi hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn VN – Chi nhánh TP có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông L, bà H chậm thanh toán khoản tiền nói trên cho ngân hàng thì phải chịu lãi suất theo giấy đề nghị kê khai phương án vay vốn ngày 16/02/2004 đối với ông Phạm Văn L và Giấy đề nghị kê khai phương án vay vốn ngày 26/02/2004 đối với bà Trần Thị H.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Phạm Văn L và bà Trần Thị H được miễn án phí.

Vào ngày 01 tháng 4 năm 2022, ông Phạm Văn L có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0014852 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được nhận lại.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN không phải chịu án.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2022, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN – Phòng giao dịch TP có dự nộp 1.058.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi*

tám nghìn đồng) theo biên lai số 0015053 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn VN có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh